

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **34/2021/HNGĐ-ST**
Ngày: 18/01/2021
V/v: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Vĩnh Lộc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phúc Viễn
2. Ông Nguyễn Quốc Thuần

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Thơ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên toà:
Ông Phạm Minh Thanh – Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 453/2020/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020 về “*Ly hôn, Tranh chấp nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 186/2020/QĐXXST - DS ngày 14 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị T, sinh năm 1996; Địa chỉ: thôn X, xã N, huyện L, tỉnh Đ
2. *Bị đơn:* Anh C, sinh năm 1990; Địa chỉ: ấp N, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang

Chị T, anh C vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 23 tháng 9 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh C cưới nhau vào năm 2014 và có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do cuộc sống chung không hạnh phúc, anh C xúc phạm chị, không quan tâm chăm sóc chị. Chị và anh C đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nay chị thấy vợ chồng không còn hạnh phúc và không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu ly hôn với anh C.

Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Hồng Ân, sinh ngày 17/5/2015. Hiện con đang sống chung với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có

Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh C biết để tham gia phiên tòa theo quy định nhưng anh C vẫn không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, cũng không cung cấp chứng cứ hoặc có ý kiến bằng văn bản phản hồi về việc chị T khởi kiện, nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo phát biểu quan điểm

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Chị T có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với anh C. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Chị T có đơn xin giải quyết vắng mặt, anh C đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị T và anh C cưới nhau vào năm 2014, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện L, tỉnh Đ vào năm 2014 là phù hợp với Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị T trình bày là do cuộc sống chung không hạnh phúc, anh C xúc phạm chị, không quan tâm chăm sóc chị. Chị T và anh C đã ly thân từ năm 2017 đến nay.

Xét thấy anh C đã được Tòa án triệu tập đến để hòa giải đoàn tụ nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do, cho thấy anh C không có thiện chí nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng, thời gian sống ly thân giữa chị T và anh C đã kéo dài mà không giải quyết được mâu thuẫn. Hội đồng xét xử xét thấy đời sống hôn nhân giữa chị T và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân

không đạt được, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T và quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát, cho chị T ly hôn với anh C là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh C có một con chung tên Nguyễn Hồng Ân, sinh ngày 17/5/2015. Khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Do hiện cháu Ân đang sống trực tiếp với chị T, nên để tránh xáo trộn trong cuộc sống của cháu ảnh hưởng đến việc học tập, sinh hoạt, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu Ân, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T và quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát, giao cháu Ân cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Vì lợi ích của con, chị T có quyền yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con bằng một vụ án khác.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị T và anh C

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Hồng Ân, sinh ngày 17/5/2015 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị T phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 4142 ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi

hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Lộc Ngãi, huyện
Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.
- Chi Cục THADS;
- Lưu.

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Vĩnh Lộc